

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-28



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch
Bà Phùng Thị Minh Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên
Ông Đinh Quốc Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Hòa	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Ánh Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

11110
CÔNG
TÁC
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014



Số: 1244 /2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		126.573.636.508	143.354.201.443
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	53.795.220.495	68.820.042.237
111	1. Tiền		3.835.220.495	320.042.237
112	2. Các khoản tương đương tiền		49.960.000.000	68.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	13.394.210.400	12.454.739.173
121	1. Đầu tư ngắn hạn		27.865.071.000	27.203.379.373
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(14.470.860.600)	(14.748.640.200)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	57.702.281.694	60.801.125.394
131	1. Phải thu của khách hàng		100.000.000	100.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		12.000.000.000	17.000.000.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		45.810.026.416	44.101.125.394
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(207.744.722)	(400.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.681.923.919	1.278.294.639
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		263.913.500	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.251.270.075	1.251.270.075
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	166.740.344	27.024.564
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.695.179.633	6.227.011.089
220	II. Tài sản cố định		2.571.153.659	3.088.732.031
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.666.805.066	2.034.645.353
222	- Nguyên giá		5.052.768.446	5.052.768.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.385.963.380)	(3.018.123.093)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	904.348.593	1.054.086.678
228	- Nguyên giá		3.596.296.230	3.536.296.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.691.947.637)	(2.482.209.552)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.350.000.000	1.350.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		1.350.000.000	1.350.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.774.025.974	1.788.279.058
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	71.594.368	103.473.794
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	13	1.645.881.606	1.645.881.606
268	4. Tài sản dài hạn khác		56.550.000	38.923.658
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		132.268.816.141	149.581.212.532

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		27.598.946.364	45.487.479.734
310	I. Nợ ngắn hạn		27.598.946.364	45.487.479.734
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	5.798.605.752
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	651.349.942	451.889.744
315	5. Phải trả người lao động		174.625.000	289.901.000
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	26.754.574.102	38.947.083.238
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		18.397.320	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		104.669.869.777	104.093.732.798
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	104.669.869.777	104.093.732.798
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(31.370.130.223)	(31.946.267.202)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		132.268.816.141	149.581.212.532

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký		175.151.530.000	243.797.380.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		172.063.530.000	241.222.620.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		470.300.000	1.258.620.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		170.024.230.000	238.395.000.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.569.000.000	1.569.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		3.088.000.000	2.408.300.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		3.088.000.000	2.408.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		-	166.460.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		-	166.460.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		19.473.520.000	762.780.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		19.473.520.000	762.780.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		880.340.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		18.593.180.000	762.780.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		10.421.250.000	10.410.000.000

Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	17	3.254.347.649	3.100.192.497
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		655.728.241	521.353.029
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		62.219.527	47.623.980
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		5.973.741	116.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		17.838.745	81.399.970
01.9	Doanh thu khác		2.512.587.395	2.333.815.518
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	17	3.254.347.649	3.100.192.497
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	18	573.630.575	2.483.323.871
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2.680.717.074	616.868.626
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	2.104.580.095	398.609.118
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		576.136.979	218.259.508
31	8. Thu nhập khác		-	458.545.455
32	9. Chi phí khác		-	465.381.243
40	10. Lợi nhuận khác		-	(6.835.788)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		576.136.979	211.423.720
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>576.136.979</u>	<u>211.423.720</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	43	16

Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆKỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		576.136.979	211.423.720
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		577.578.372	770.695.017
03	- Các khoản dự phòng		(470.034.878)	(9.144.707.654)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.007.162.942)	(2.326.979.730)
06	- Chi phí lãi vay		81.708.859	563.626.816
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(241.773.610)	(9.925.941.831)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		3.151.383.198	(26.726.601.888)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(661.691.627)	12.988.255.100
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.089.927.618)	3.403.057.907
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(232.034.074)	42.220.061
13	- Tiền lãi vay đã trả		(81.708.859)	(518.402.089)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		38.923.658	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.550.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.173.378.932)	(20.737.412.740)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(60.000.000)	(118.000.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	458.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(19.900.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	13.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(675.000.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.007.162.942	2.364.573.852
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		947.162.942	(4.469.880.693)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	32.877.552.222
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		600.000.000	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.398.605.752)	(1.977.552.222)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.798.605.752)	30.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.024.821.742)	5.692.706.567
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		68.820.042.237	2.371.742.577
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>53.795.220.495</u>	<u>8.064.449.144</u>


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

6 tháng đầu năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2014 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(31.946.267.202)	576.136.979	-	(31.370.130.223)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	104.093.732.798	576.136.979	-	104.669.869.777

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2013 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	-	-	306.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	-	-	445.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(36.726.276.586)	211.423.720	-	(36.514.852.866)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	16	99.313.723.414	211.423.720	-	99.525.147.134


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 135.289.000.000 đồng; tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 với mã giao dịch là APG.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 năm |

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tin phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt: quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.12 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty Chứng khoán	463.368	2.961.998.200
- Cổ phiếu	463.368	2.961.998.200
Của người đầu tư	37.593.986	276.761.210.200
- Cổ phiếu	37.593.986	276.761.210.200
	38.057.354	279.723.208.400

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tại quỹ	4.098.000	2.117.000
Tiền gửi ngân hàng	2.863.104.629	54.711.166
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	968.017.866	263.214.071
Các khoản tương đương tiền	49.960.000.000	68.500.000.000
	53.795.220.495	68.820.042.237

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng với lãi suất là 5%/năm.

NG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
làn Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Ký kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại										
Chứng khoán niêm yết										
- PET	39.530	-	814.271.000	-	-	-	(114.590.000)	-	699.681.000	-
- VND	7.500	15.000	68.500.000	137.000.000	56.750.000	19.000.000	-	-	125.250.000	156.000.000
- GGG	-	7.600	-	1.277.792	-	13.162.208	-	-	-	14.440.000
- VCS	-	138	-	1.855.581	-	7.419	-	-	-	1.863.000
- ICF	-	14.990	-	80.946.000	-	-	-	(2.998.000)	-	77.948.000
Chứng khoán Upcom										
- NOS	88.034	88.034	788.725.500	788.725.500	-	-	(647.871.100)	(639.067.700)	140.854.400	149.657.800
Chứng khoán chưa niêm yết (*)										
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long	14.125	13.000	145.000.000	145.000.000	-	-	(925.000)	(15.000.000)	144.075.000	130.000.000
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	20.000	20.000	320.000.000	320.000.000	-	-	(258.000.000)	(260.000.000)	62.000.000	60.000.000
- Công ty Tài chính CP Sông Đà	3.000	3.000	123.574.500	123.574.500	-	-	(95.974.500)	(96.574.500)	27.600.000	27.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí	5.000	5.000	105.000.000	105.000.000	-	-	(53.500.000)	(55.000.000)	51.500.000	50.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí	1.000.000	1.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	(13.300.000.000)	(13.680.000.000)	12.200.000.000	11.820.000.000
			27.865.071.000	27.203.379.373	56.750.000	32.169.627	(14.470.860.600)	(14.748.640.200)	13.450.960.400	12.486.908.800

(*) Giá trị trường của Chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình dựa trên cơ sở giao dịch được cung cấp bởi 3 Công ty chứng khoán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng - Chi nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Hoàng Gia.

Logo
100
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
AN PHÁT
SC

NG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Ng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Đn Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

- CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG

	01/01/2014		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2014		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Phải thu của khách hàng	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000	(50.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000	(50.000.000)
Trả trước cho người bán	17.000.000.000	-	12.000.000.000	17.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- Trả trước tiền mua hàng hóa, dịch vụ	17.000.000.000	-	12.000.000.000	17.000.000.000	12.000.000.000	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	44.101.125.394	-	272.505.648.733	270.796.747.711	45.810.026.416	-	(157.744.722)
- Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán	17.909.777	-	531.446.540	516.061.975	33.294.342	-	-
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	22.648.629	-	92.764.134.079	91.885.170.598	901.612.110	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	35.899.425.400	-	-	272.425.400	35.627.000.000	-	(157.744.722)
- Phải thu hợp đồng margin	7.650.297.479	-	151.468.000.000	150.071.774.600	9.046.522.879	-	-
- Phải thu khác	510.844.109	-	27.742.068.114	28.051.315.138	201.597.085	-	-
	61.201.125.394	100.000.000	284.505.648.733	287.796.747.711	57.910.026.416	100.000.000	(207.744.722)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	(400.000.000)	(2.377.298.254)
Trích lập/hoàn nhập	192.255.278	2.018.148.254
Số dư cuối kỳ	(207.744.722)	(359.150.000)

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075	1.251.270.075
	1.251.270.075	1.251.270.075

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	161.540.344	21.824.564
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.200.000	5.200.000
	166.740.344	27.024.564

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	5.052.768.446	5.052.768.446
Tại ngày 30/06/2014	5.052.768.446	5.052.768.446
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	3.018.123.093	3.018.123.093
Trích khấu hao	367.840.287	367.840.287
Tại ngày 30/06/2014	3.385.963.380	3.385.963.380
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	2.034.645.353	2.034.645.353
Tại ngày 30/06/2014	1.666.805.066	1.666.805.066

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 222.955.907 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	3.536.296.230	3.536.296.230
Nâng cấp phần mềm	60.000.000	60.000.000
Tại ngày 30/06/2014	3.596.296.230	3.596.296.230
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	2.482.209.552	2.482.209.552
Trích khấu hao	209.738.085	209.738.085
Tại ngày 30/06/2014	2.691.947.637	2.691.947.637
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	1.054.086.678	1.054.086.678
Tại ngày 30/06/2014	904.348.593	904.348.593

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty CP Đầu Tư Sức Khỏe Việt (*)	1.350.000.000	1.350.000.000
	1.350.000.000	1.350.000.000

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Sức khỏe Việt được thực hiện với tư cách cổ đông sáng lập. Theo điều lệ và giấy đăng ký kinh doanh, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sức Khỏe Việt là 30.000.000.000 VND, trong đó vốn góp cam kết của Công ty là 4.500.000.000 đồng (tương đương 450.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày 30/06/2014, Công ty đã góp 1.350.000.000 đồng (tương đương 135.000 cổ phần).

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Tại ngày đầu kỳ	103.473.794	-
Tăng trong kỳ	-	142.580.841
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(31.879.426)	-
Tại ngày cuối kỳ	71.594.368	142.580.841
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	71.594.368	103.473.794
	71.594.368	103.473.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

13 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.061.385.014	1.061.385.014
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	464.496.592	464.496.592
Số dư cuối kỳ	1.645.881.606	1.645.881.606

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	82.837.231	82.837.231
Thuế Thu nhập cá nhân	368.846.592	190.040.394
Các loại thuế khác	199.666.119	179.012.119
	651.349.942	451.889.744

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.175.000	-
Bảo hiểm xã hội	19.317.750	-
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	968.017.866	263.214.071
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	25.650.360.382	38.500.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.403.104	152.569.167
	26.754.574.102	38.947.083.238

(*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo hợp đồng môi giới mua trái phiếu số 13/2013/HDMG/EVNFC - ANPHAT và phụ lục hợp đồng kèm theo. Theo hợp đồng, Công ty sẽ thay mặt cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực tìm mua 2.000.000 trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 03 năm, lãi suất tối thiểu 13%/năm.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013					
Tại ngày 01/01/2013	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(36.726.276.586)	99.313.723.414
Lãi trong kỳ	-	-	-	211.423.720	211.423.720
Tại ngày 30/06/2013	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(36.514.852.866)	99.525.147.134
6 tháng đầu năm 2014					
Tại ngày 01/01/2014	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(31.946.267.202)	104.093.732.798
Lãi trong kỳ	-	-	-	576.136.979	576.136.979
Tại ngày 30/06/2014	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(31.370.130.223)	104.669.869.777

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang - Hà Nội	30.000.000.000	22,17%	30.000.000.000	22,17%
Ông Nguyễn Hồ Hưng	22.575.000.000	16,69%	12.575.000.000	9,29%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	0,00%	30.000.000.000	22,17%
Các cổ đông khác	82.714.000.000	61,14%	62.714.000.000	46,36%
	135.289.000.000	100%	135.289.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.289.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.289.000.000</i>	<i>135.289.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.289.000.000</i>	<i>135.289.000.000</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.528.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.900</i>	<i>13.528.900</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.528.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.528.900</i>	<i>13.528.900</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	3.254.347.649	3.100.192.497
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	655.728.241	521.353.029
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	62.219.527	47.623.980
- Doanh thu hoạt động tư vấn	5.973.741	116.000.000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	17.838.745	81.399.970
- Doanh thu khác	2.512.587.395	2.333.815.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	3.254.347.649	3.100.192.497

18 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	-	1.565.224.967
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	53.528.000	6.426.767.100
Chi phí dự phòng	(277.779.600)	(7.126.559.400)
Chi phí khác	81.708.859	563.626.816
Chi phí trực tiếp chung	716.173.316	1.054.264.388
	573.630.575	2.483.323.871

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.041.361.282	951.519.600
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	61.352.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.457.798	770.695.017
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	(192.255.278)	(2.018.148.254)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.456.752	588.600.273
Chi phí khác bằng tiền	141.559.541	41.589.540
	2.104.580.095	398.609.118

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	576.136.979	211.423.720
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(31.977.292.902)	(37.451.580.259)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(31.025.700)	(47.573.820)
- Chuyển lỗ các năm trước	(31.946.267.202)	(37.404.006.439)
Tổng thu nhập tính thuế	(31.401.155.923)	(37.240.156.539)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	576.136.979	211.423.720
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	576.136.979	211.423.720
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.528.900	13.528.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43	16

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.795.220.495	-	68.820.042.237	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	45.910.026.416	(207.744.722)	44.201.125.394	(400.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	27.865.071.000	(14.470.860.600)	27.203.379.373	(14.748.640.200)
Đầu tư dài hạn	1.350.000.000	-	1.350.000.000	-
	128.920.317.911	(14.678.605.322)	141.574.547.004	(15.148.640.200)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	5.798.605.752
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	26.754.574.102	38.947.083.238
	26.754.574.102	44.745.688.990

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.795.220.495	-	-	53.795.220.495
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	45.702.281.694	-	-	45.702.281.694
Đầu tư ngắn hạn	13.394.210.400	-	-	13.394.210.400
Đầu tư dài hạn	-	1.350.000.000	-	1.350.000.000
	112.891.712.589	1.350.000.000	-	114.241.712.589
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.820.042.237	-	-	68.820.042.237
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	43.801.125.394	-	-	43.801.125.394
Đầu tư ngắn hạn	12.454.739.173	-	-	12.454.739.173
Đầu tư dài hạn	-	1.350.000.000	-	1.350.000.000
	125.075.906.804	1.350.000.000	-	126.425.906.804

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	26.754.574.102	-	-	26.754.574.102
	<u>26.754.574.102</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.754.574.102</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	5.798.605.752	-	-	5.798.605.752
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	38.947.083.238	-	-	38.947.083.238
	<u>44.745.688.990</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.745.688.990</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Hải Phòng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động tư vấn đầu tư	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	655.728.241	62.219.527	5.973.741	17.838.745	2.512.587.395	3.254.347.649
Chi phí bộ phận trực tiếp	160.767.665	(208.996.975)	1.464.607	4.373.601	616.021.677	573.630.575
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	2.104.580.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	494.960.576	271.216.502	4.509.134	13.465.144	1.896.565.718	576.136.979
Tài sản bộ phận trực tiếp	25.868.025.180	16.056.934.719	226.035.595	376.366.640	89.741.454.007	132.268.816.141
Tổng tài sản	25.868.025.180	16.056.934.719	226.035.595	376.366.640	89.741.454.007	132.268.816.141
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	6.348.653.686	508.802.157	48.850.457	145.876.903	20.546.763.161	27.598.946.364
Tổng nợ phải trả	6.348.653.686	508.802.157	48.850.457	145.876.903	20.546.763.161	27.598.946.364

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building, số 32 Hòa Mã,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
Nhận ký cược ký quỹ			
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	Cổ đông lớn	25.650.360.382	38.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	268.146.000	274.368.000

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2013 đến 30/06/2013. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2014